

Bản án số: 506/2022/HS-PT

Ngày: 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán

Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2022/TLPT-HS ngày 23/02/2022. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Quách Thị Tú L (tên gọi khác: A), sinh năm 1986 tại tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: ấp T3 Hưng, xã T3 Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: quản lý nhà hàng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Kim E và bà Dương Thị M; hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến ngày 19/3/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 tại Cà Mau; Thường trú: ấp 9, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Nhà không số, lô 1/9 tổ 8, Ấp 1, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: quản lý nhà hàng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị U; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Phạm Thị T và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Nguyễn Thụy Kim B, sinh năm 1978 tại Long An; Thường trú: Ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An; Tạm trú: 925/27 Âu Cơ, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề ngH1: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng H và bà Lương Thị D; hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thụy Kim B: Ông Vũ Kim Đ, luật sư của Công ty luật TNHH Vĩnh Tường thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 50 ngày 22/9/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra hành chính khách sạn Bonita, số 570 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, phát hiện 03 cặp nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Cụ thể, tại Phòng 102, Nguyễn Hữu D1 với Nguyễn Thị Ngọc T1; tại Phòng 302, Chiêm Quốc L1 với Văn Thị Tuyết T2; tại Phòng 304, Nguyễn Xuân T3 với Lương Thị Hải Y.

Căn cứ lời khai của các đối tượng mua bán dâm đã xác định được tất cả đều là nhân viên của Nhà hàng Karaoke KB476, số 476 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng lúc, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra Nhà hàng Karaoke KB476, số 476 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5 và mời những người có mặt tại nhà hàng về trụ sở Cơ quan điều tra làm việc, gồm: Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thụy Kim B, Trần Văn K, Trần Thị Ngọc L1, Võ Thị Kim C, Lương Như Y1 và nhiều nhân viên, tiếp viên nữ.

Qua điều tra xác định: Nhà hàng KB476 do Trần Văn H1 (tự: M; chưa rõ lai lịch) làm chủ. H1 thuê Nguyễn Thụy Kim B đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngH1 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ KB 476B, có mã số thuế 0316071046. Sau đó, B nhờ Trần Văn D2 đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngH1. Nhà hàng hoạt động từ 12 giờ trưa hôm trước đến 02 giờ sáng hôm sau hoặc đến khi hết khách. Nhà hàng có 02 tổng quản lý là Nguyễn Thụy Kim B, Nguyễn Văn H; 07 quản lý nhân viên là Quách Thị Tú L, Trần Thị Ngọc L1, Võ Thị Kim C, Trần Văn K, Trần Văn T4, H1, S (chưa rõ lai lịch), 05 phục vụ nam; 30 tiếp viên nữ.

Tại nhà hàng KB476 có tổ chức 10 phòng riêng, trong đó 09 phòng hoạt động kinh doanh dịch vụ Karaoke và cho khách hàng uống rượu, bia có nữ tiếp viên phục vụ ngồi cùng để rót bia, nói chuyện với khách và đi bán dâm khi khách có nhu cầu. Nếu tiếp viên nữ muốn ra ngoài giữa giờ làm việc để bán dâm cho khách thì phải viết đơn xin nghỉ giữa giờ và quản lý phụ trách ký tên vào để tránh bị Cơ quan Công an phát hiện và để báo cáo với chủ quán, tổng quản lý. Khi có giấy xin về giữa giờ

thì tiếp viên nữ sẽ xuống quầy lễ tân gặp Bùi Thị Nhanh E1 để nộp giấy và các quản lý tiếp viên nữ đã ký giấy cho các tiếp viên nữ đó về sẽ phải báo lại cho B và H biết, nếu Kim B và H đồng ý thì tiếp viên nữ đó mới được về để bán dâm cho khách. Chủ nhà hàng và tổng quản lý không ăn chia tiền mua bán dâm nhưng đồng ý chủ trương cho tiếp viên nữ đi ra ngoài bán dâm cùng khách. Giá bán dâm do khách tự thương lượng với quản lý và tiếp viên nữ. Tiếp viên nữ làm việc tại nhà hàng không được hưởng lương nhưng được hưởng tiền bo của khách và hưởng trọn tiền bán dâm cho khách. Việc cho phép tiếp viên bán dâm cho khách để câu khách đến nhà hàng nhằm tăng doanh thu và không phải trả lương cho gái mại dâm cũng là nguồn L1 cho nhà hàng từ việc hoạt động môi giới mại dâm.

Quách Thị Tú L làm việc tại nhà hàng KB476 từ tháng 5/2020 đến nay với chức danh quản lý nhân viên nhưng không được trả lương mà hưởng tiền tip, tiền bo của khách cho và 20% trên tiền hóa đơn (bill) của khách đến ăn uống (trong đó, L được hưởng 10%, 10% còn lại phải đưa vào quỹ để chia cho Tổng quản lý là Nguyễn Văn H và Nguyễn Thụy Kim B cùng các nhân viên phục vụ nam khác). Công việc của L là quản lý tiếp viên nữ, dẫn tiếp viên nữ lên chào bàn để khách lựa chọn phục vụ và quản lý thời gian làm việc của các nhân viên này.

Nguyễn Thụy Kim B bắt đầu vào làm việc tại nhà hàng KB476 từ ngày 17/12/2019 đến nay. Ngoài đứng tên Giấy phép kinh doanh, Kim B còn là tổng quản lý về việc kiểm tra số tiền thu chi hàng ngày và kiểm tra công việc, thái độ phục vụ của các nhân viên, hàng tháng Kim B được H1 trả lương 10.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài Kim B ra còn có Nguyễn Văn H làm tổng quản lý phụ trách thu chi, quản lý nhân sự, giờ giấc làm việc của nhân viên và điều hành các hoạt động kinh doanh của nhà hàng. H bắt đầu làm việc tại nhà hàng KB476 từ ngày 17/12/2019 và được H1 trả lương 6.000.000 đồng/1 tháng. Trần Văn T4, Trần Thị Ngọc L1, Võ Thị Kim C, Quách Thị Tú L làm quản lý các tiếp viên nữ của nhà hàng KB476. Khi khách đến nhà hàng ăn uống và hát karaoke thì quản lý sẽ dẫn khách vào phòng rồi quản lý sẽ điều các tiếp viên nữ đến ngồi chung với khách. Nếu là khách quen của các quản lý thì người quản lý đó sẽ tự dẫn khách vào phòng. Trong quá trình ngồi uống bia và hát karaoke nếu khách có nhu cầu mua dâm với các tiếp viên nữ thì tiếp viên nữ sẽ báo lại cho quản lý tiếp viên nữ để quản lý ký vào giấy phép xin nghỉ giữa giờ làm việc. Khi có giấy xin về giữa giờ thì tiếp viên nữ sẽ xuống quầy tiếp tân gặp Bùi Thị Nhanh E1 để nộp giấy. Quản lý phụ trách tiếp viên nữ phải thông báo cho H hoặc B biết việc tiếp viên nữ xin về đi bán dâm cho khách, nếu H hoặc B đồng ý thì tiếp viên nữ mới được về. Kim B, H cho biết quản lý kéo được khách đến quán sẽ được hưởng 20% tiền hóa đơn (bill) mà khách ăn uống, hát karaoke tại quán. Riêng tiền khách bo cho nhân viên phục vụ, bưng bê, lau dọn, bếp, bảo vệ thì sẽ được H giữ lại rồi chia cho các nhân viên như trên. Kim B, H không biết giá mỗi lần tiếp viên nữ đi bán dâm cho khách là bao nhiêu tiền do quản lý và tiếp viên nữ tự trao đổi với nhau và cũng không được chia L1 nhuận gì. Tại các cuộc họp, H1 không nói chủ trương cho tiếp viên nữ bán dâm cho khách nhưng vì để thu hút khách hàng đến quán ăn, uống nhằm tăng doanh thu cho quán nên Kim B, H vẫn đồng ý cho các tiếp viên nữ của nhà hàng được về giữa giờ làm việc để đi bán dâm. Để có thể ra ngoài bán dâm cho khách thì tiếp viên nữ phải viết một giấy xin nghỉ giữa giờ rồi ký tên đưa cho

quản lý phụ trách cùng ký rồi đưa cho lễ tân Bùi Thị Nhanh E1, mục đích để đối phó với lực lượng chức năng khi bị kiểm tra. Số tiền doanh thu của nhà hàng sẽ được H1 trả lương cho H và B. Kim B mới chỉ được Trần Văn H1 trả lương từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020 với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng. H được hưởng 6.000.000 đồng/1 tháng và thêm tiền huê hồng được chia khoảng 3.000.000 đồng nên H hưởng L1 khoảng 9.000.000 đồng/1 tháng. Do dịch Covid 19, nhà hàng kinh doanh thua lỗ nên H chỉ hưởng L1 được 06 tháng với số tiền tổng cộng 54.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 00 ngày 22/9/2020, Nguyễn Xuân T3 (tên thường gọi là L3) điện thoại cho L đặt bàn lúc 20 giờ 00 cho 03 khách tại Nhà hàng KB476 và yêu cầu 3 tiếp viên nữ phục vụ ăn uống, hát karaoke và muốn đi bán dâm. Đến 20 giờ 10 phút cùng ngày, T3 đi cùng 02 người bạn là Nguyễn Hữu D1 và Chiêm Quốc L1 đến nhà hàng và được L đưa lên phòng VIP 1. L thông báo cho hai tổng quản lý là Nguyễn Thụy Kim B và Nguyễn Văn H sắp xếp cho 03 tiếp viên nữ tên Lương Thị Hải Y, Văn Thị Tuyết T2 và Nguyễn Thị T5 vào phòng phục vụ khách ăn uống và hát karaoke. Đến 22 giờ 10 cùng ngày thì nhóm khách trên có nhu cầu đi mua dâm nên T3 tính tiền ăn uống (bill) phòng VIP 1 hết 5.488.000 đồng rồi gặp L thỏa thuận giá mua dâm mỗi khách 2.000.000 đồng/1 lượt/1 người nhưng T5 không đồng ý nên L gọi Nguyễn Thị Ngọc T1 ra thay. Sau đó, T3 đưa cho L 7.000.000 đồng, đưa lại cho Y, T2, T1 mỗi người 2.000.000 đồng tiền bán dâm ngay trong phòng VIP 1. Riêng L được hưởng 1.000.000 đồng tiền môi giới. L hướng dẫn cho Y, T2, T1 viết giấy xin nghỉ giữa giờ đưa cho lễ tân Bùi Thị Nhanh E1 để xin phép quản lý ra ngoài bán dâm cho khách. L xuống quầy lễ tân gặp H, B để xin phép cho Y, T2, T1 đi bán dâm thì B, H đồng ý. Sau đó, L yêu cầu Y, T2, T1 thay đồ đi cùng D1, L1, T3 đến khách sạn Bonita, số 570 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5 thuê 03 phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến 22 giờ cùng ngày 22/9/2020, khi Y, T2, T1, D1, L1 và T3 thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị kiểm tra, phát hiện.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thụy Kim B khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Lời khai của L, H và B phù hợp với lời khai của Nguyễn Hữu D1, Chiêm Quốc L1, Nguyễn Xuân T3, Văn Thị Tuyết T2, Lương Thị Hải Y, Nguyễn Thị Ngọc T1 và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, các bị can và các đối tượng có mặt tại nhà hàng KB476 đã khai Trần Văn T4 là tổng quản lý tiếp viên nữ tại nhà hàng KB476, nếu khách đến nhà hàng có nhu cầu mua bán dâm với tiếp viên nữ thì phải báo và được sự đồng ý của T4. Tuy nhiên, T4 khai nhận chỉ làm quản lý tại nhà hàng, được hưởng lương và tiền bo của khách, T4 chưa ký giấy cho tiếp viên nữ nghỉ giữa giờ để đi bán dâm cho khách.

Vật chứng: Thu giữ tại phòng 102, 302, 304 khách sạn Bonita:

- 03 bao cao su hiệu Durex.
- Tiền Việt Nam: 6.000.000 đồng.

Thu giữ của Quách Thị Tú L:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 353890103401474.

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Thụy Kim B:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354836097779309

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, số imei: 358372056019756

Thu giữ của Nguyễn Văn H:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imei 1: 357723108192614, số imei 2: 357723109098810.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

[1] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Quách Thị Tú L 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 25/9/2020 đến ngày 19/3/2021.

[2] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thụy Kim B 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 25/9/2020 đến ngày 09/02/2021.

[3] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2022 bị cáo Nguyễn Thụy Kim B kháng cáo xin được hưởng án treo. Cùng ngày 24/01/2022, bị cáo Quách Thị Tú L kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Kim B, H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo L thay đổi kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Quách Thị Tú L xin được giảm nhẹ hình phạt với các lý do: hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha bị cáo bị tâm thần phải uống thuốc hàng tháng, em trai bị cáo vừa bị tai nạn xe chấn thương sọ não, bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2017, mẹ bị cáo đã lớn tuổi, anh chị đều lớn tuổi sống chung với bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, thành thật khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Nguyễn Thụy Kim B xin được hưởng án treo với các lý do: sau khi phạm tội thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo mang thai được 15 tuần tuổi.

Bị cáo Nguyễn Văn H xin được giảm nhẹ hình phạt với các lý do: bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi cha mẹ già, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, gia đình có công với cách mạng.

Lưu ý: *Vũ Kim Đ trình bày ý kiến bảo vệ cho bị cáo Nguyễn Thụy Kim B:* Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện vai trò bị cáo Kim B trong vụ án tương đối mờ nhạt, phạm tội không vì mục đích cá nhân. Bị cáo hoàn toàn không được hưởng L1 trong hoạt động của nhà hàng, nguyên nhân phạm tội của bị cáo là do khách quan. Bị cáo không tham gia chỉ đạo cho nhân viên nữ thực hiện hành vi mua bán dâm, bị cáo không hưởng L1 từ số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo Kim B có đầy đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự vì mức án sơ thẩm xử bị cáo là 3 năm do có 2 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Trong quá trình chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo đang mang thai 15 tuần. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt và cho bị cáo Kim B được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, cho thấy: Hành vi phạm tội của từng bị cáo đã rõ ràng, được chứng minh qua các tài liệu trong vụ án. Bản án sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo là đúng quy định pháp luật, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Kim B đang mang thai đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo L và H xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm về với gia đình.

- Bị cáo Kim B xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo như các lý do đã trình bày tại phần tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Tại nhà hàng Karaoke KB476, số 476 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thụy Kim B đã có hành vi làm trung gian cho khách của Nhà hàng nơi các bị cáo làm việc mua bán dâm với tiếp viên nhà hàng. Khi tiếp viên nữ báo cho L về việc đi bán dâm cho khách thì L báo cho H, Kim B biết để xem xét và duyệt cho đi. L không hưởng lương cố định mà hưởng tiền bo của khách và phần trăm trên tiền hóa đơn của khách đến ăn uống. Ngày 22/9/2020, L đã môi giới cho 03 nhân viên nữ bán dâm cho khách và bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thụy Kim B về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

[2.2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì lợi nhuận, đã tự lên chủ trương và đồng ý cho tiếp viên nữ ra ngoài bán dâm cho khách, bị cáo L còn trực tiếp môi giới mại dâm, các bị cáo Kim B, H là tổng quản lý đứng sau trực tiếp cho phép hành vi môi giới mại dâm. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hoạt động môi giới mại dâm là hoạt động Nhà nước nghiêm cấm nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt nên đủ điều kiện áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H có gia đình có công với cách mạng, cha ruột được tặng huân chương kháng chiến nên áp dụng thêm cho bị cáo H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, mức án 03 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L và H có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử xem xét, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Riêng bị cáo Kim B trình bày tình tiết mới của bị cáo là đang mang thai 15 tuần tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Kim B thuộc trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng, nên cần được xem xét và tạo điều kiện để bị cáo có được hưởng sự chăm sóc ý tế trong suốt thai kỳ cũng như có điều kiện chăm sóc con sau sinh. Vì vậy, nhằm đảm bảo các quy định đặc biệt dành cho phụ nữ mang thai là đối tượng được hưởng sự bảo vệ đặc biệt của xã hội cũng như thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo Kim B.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo L và H, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kim B. Sửa một phần bản án sơ thẩm, cho hưởng án treo đối với bị cáo Kim B.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo L, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Kim B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thụy Kim B.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thụy Kim B phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Quách Thị Tú L 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 25/9/2020 đến ngày 19/3/2021.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đó từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/02/2021.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thụy Kim B 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc

thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí: Các bị cáo Quách Thị Tú L, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thụy Kim B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (4);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Bị cáo (3);
- Lưu HSVA(2). VP(5) 21b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Mười